

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: SINH 11

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	8,0	5,0	6,0		6,6	6,4	Đạt
2	2203360173	Trần Văn	Anh	12/06/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		9,0	8,7	Đạt
3	2203360368	Nguyễn Hoàng Văn	Anh	03/09/1993	02DD13C2	0,0	0,0	0,0	TBKT	8,0	4,8	Học lại
4	2203360174	Lê Nhật	Anh	12/09/2003	02YS13C1	9,0	8,0	8,3			3,3	Thi lại
5	1203360026	Đậu Thị	Duyên	24/04/2005	02DD13C1	10,0	10,0	10,0		7,5	8,5	Đạt
6	2203360278	Vũ Thị Bình	Dương	03/04/2002	02DD13C2	5,0	7,0	6,3		0,0	2,5	Thi lại
7	2203360146	Đinh Văn Thành	Đạt	10/08/2005	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		7,8	7,9	Đạt
8	2203360323	Phan Thị Ngọc	Điệp	21/04/2002	02DD13C2	8,0	7,0	7,3		8,5	8,0	Đạt
9	1203360139	Võ Nhật	Hào	24/04/2005	01DD13C1	10,0	7,0	8,0		10,0	9,2	Đạt
10	1203360080	Hoàng Thị	Hằng	09/12/2005	01DD13C1	10,0	6,0	7,3		7,3	7,3	Đạt
11	1203360170	Phạm Thị Thúy	Hằng	14/10/2002	01DS13C1	10,0	9,0	9,3		10,0	9,7	Đạt
12	2203360030	Trần Mai	Hân	28/12/2005	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		8,2	7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
13	2203360079	Đặng Hoàng Bảo	Hân	20/05/2005	02DS13C1	7,0	8,0	7,7		8,2	8,0	Đạt
14	2203360219	Trương Gia	Hân	12/09/2005	02YS13C1	9,0	8,0	8,3		9,5	9,0	Đạt
15	2203360041	Trương Thái	Hiền	21/04/1995	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		8,0	8,1	Đạt
16	1203360180	Huỳnh Thị Minh	Hiếu	06/04/1997	01DS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
17	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	10,0	7,0	8,0		9,7	9,0	Đạt
18	2203360354	Fang Yi	Hong	16/10/1998	02DS13C2	7,0	9,0	8,3		9,3	8,9	Đạt
19	2203360083	Quảng Thị Bích	Hồng	11/10/2005	02DD13C1	8,0	7,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
20	2203360042	Nguyễn Phú Quốc	Hùng	10/05/2004	02YS13C1	8,0	8,0	8,0		8,5	8,3	Đạt
21	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	6,0	5,0	5,3		9,0	7,5	Đạt
22	1203360078	Phạm Hoàng	Huy	13/02/2005	01DD13C1	10,0	9,0	9,3		8,0	8,5	Đạt
23	1203360106	Nguyễn Quốc	Huy	24/09/2005	01DD13C1	9,0	8,0	8,3		9,1	8,8	Đạt
24	1203360088	Lê Nguyễn Đức	Huy	04/09/2005	01DS13C1	6,0	8,0	7,3		7,5	7,4	Đạt
25	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	10,0	6,0	7,3		8,8	8,2	Đạt
26	2203360094	Trần Thị Ngọc	Khánh	37882	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		9,1	8,3	Đạt
27	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		7,8	7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
							4,0				
28	2203360161	Lê My Linda	16/06/2003	02YS13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
29	2203360142	Kiều Thùy Linh	30/04/2005	02DS13C1	8,0	7,0	7,3		7,8	7,6	Đạt
30	2203360191	Lê Thị Ngọc Linh	09/08/2005	02DS13C2	8,0	8,0	8,0		8,4	8,2	Đạt
31	2203360210	Phạm Nguyễn Khánh Linh	12/06/2005	02DS13C2	7,0	8,0	7,7		8,4	8,1	Đạt
32	2203360167	Nguyễn Ngọc Linh	03/12/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		7,5	8,1	Đạt
33	2203360206	Phùng Lâm Tuyết Linh	08/09/2005	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		8,5	9,1	Đạt
34	2203360247	Nguyễn Trinh Diệu Linh	06/10/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		8,5	8,4	Đạt
35	1203360161	Phan Tấn Lộc	10/05/2005	01DS13C1	8,0	5,0	6,0		10,0	8,4	Đạt
36	2203360123	Lê Ngô Thảo Ly	14/01/2004	02DD13C1	5,0	7,0	6,3		9,5	8,2	Đạt
37	2203360296	Lê Ngọc Mai	28/02/2005	02YS13C1	9,0	8,0	8,3		9,5	9,0	Đạt
38	2203360076	Đỗ Ngọc Diễm My	28/10/2005	02YS13C1	7,0	7,0	7,0		8,5	7,9	Đạt
39	2203360320	Nguyễn Thị Kim Ngân	01/01/2003	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		7,8	7,5	Đạt
40	2203360066	Trần Thị Mỹ Ngân	10/12/2004	02DD13C1	10,0	10,0	10,0		8,5	9,1	Đạt
41	2203360081	Hồ Ngọc Bảo Ngân	14/10/2005	02DD13C1	9,0	10,0	9,7		8,5	9,0	Đạt
42	2203360273	Phạm Nguyễn Thảo Ngọc	12/05/2005	02DD13C2	8,0	7,0	7,3		9,0	8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
43	2203360172	Nguyễn Trương Thảo	Ngọc	02/02/2005	02YS13C1	7,0	8,0	7,7		9,0	8,5	Đạt
44	2203360087	Đặng Yến	Nhi	19/08/2005	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		8,4	8,2	Đạt
45	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		8,9	8,1	Đạt
46	2203360127	Trần Ngọc Hà	Nhi	07/06/2005	02DD13C1	8,0	7,0	7,3		0,0	2,9	Thi lại
47	2203360337	Lâm Tuyết	Nhung	26/10/2005	02DS13C2	7,0	8,0	7,7		8,2	8,0	Đạt
48	1203360020	Lê Quỳnh	Như	24/12/2005	01DD13C1	8,0	7,0	7,3		9,3	8,5	Đạt
49	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
50	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	10,0	8,0	8,7		8,8	8,8	Đạt
51	2203360201	Hà Kiều	Oanh	31/01/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		8,5	8,7	Đạt
52	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	8,0	7,0	7,3		8,4	8,0	Đạt
53	2203360331	Nguyễn Thị Ngọc	Phuong	28/06/2001	02YS13C2	0,0	0,0	0,0	TBKT		0,0	Học lại
54	2203360071	Tiết Thị Ngọc	Quý	13/05/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		8,5	8,4	Đạt
55	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	10,0	5,0	6,7		10,0	8,7	Đạt
56	2203360234	Lý Trần Thảo	Quyên	22/04/2005	02DD13C2	10,0	9,0	9,3		9,0	9,1	Đạt
57	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	10,0	6,0	7,3		7,7	7,5	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0		
58	2203360050	Nguyễn Mỹ Tâm	28/12/2002	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		8,4	8,2	Đạt
59	1203360120	Phan Cát Tiên	02/10/2004	01DS13C1	10,0	6,0	7,3		7,1	7,2	Đạt
60	2203360205	Trần Mỹ Tiên	14/04/2005	02DD13C2	9,0	9,0	9,0		8,5	8,7	Đạt
61	2203360060	Phạm Ngọc Thủy	30/06/2005	02YS13C2	9,0	8,0	8,3		8,0	8,1	Đạt
62	1203360165	Huỳnh Thanh Tú	01/11/2003	01YS13C1	8,0	7,0	7,3		9,3	8,5	Đạt
63	2203360209	Đặng Anh Tú	15/10/2005	02DD13C2	9,0	10,0	9,7		8,0	8,7	Đạt
64	2203360130	Trần Đình Thanh	29/10/2005	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		4,7	5,6	Đạt
65	1203360023	Phan Thanh Thảo	10/10/2005	01YS13C1	9,0	6,0	7,0		9,3	8,4	Đạt
66	1203360178	Lê Thanh Thảo	31/10/2003	01DS13C1	8,0	9,0	8,7		9,8	9,4	Đạt
67	2203360051	Trần Thị Thanh Thảo	24/10/2005	02YS13C2	9,0	8,0	8,3		8,5	8,4	Đạt
68	2203360165	Lê Thanh Thúy	19/04/2005	02DS13C2	8,0	8,0	8,0		7,8	7,9	Đạt
69	2203360271	Nguyễn Hoàng Anh Thư	09/08/2005	02DD13C2	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
70	2203360160	Nguyễn Anh Thư	05/10/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
71	1203360152	Đặng Thị Hoài Thương	19/10/2005	01DS13C1	9,0	8,0	8,3		7,5	7,8	Đạt
72	1203360047	Nguyễn Thị Thu Trang	24/10/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		9,3	8,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0		
73	2203360265	Trần Võ Hà Trang	25/02/2005	02DS13C2	7,0	7,0	7,0		7,6	7,4	Đạt
74	2203360036	Bùi Thị Huyền Trang	04/04/2005	02DD13C1	5,0	6,0	5,7		8,5	7,4	Đạt
75	2203360103	Nguyễn Trần Thanh Trâm	19/08/2004	02DD13C1	5,0	7,0	6,3		8,0	7,3	Đạt
76	2203360230	Trần Thị Minh Trâm	08/02/2005	02DD13C2	8,0	7,0	7,3		8,5	8,0	Đạt
77	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	06/09/2005	01DS13C1	6,0	5,0	5,3		7,5	6,6	Đạt
78	2203360233	Văn Nguyễn Ngọc Trân	20/10/2005	02DS13C2	8,0	8,0	8,0		8,4	8,2	Đạt
79	2203360070	Phạm Thị Huyền Trân	17/03/2004	02DD13C1	9,0	10,0	9,7		9,0	9,3	Đạt
80	2203360058	Nguyễn Ngọc Tuyết Trân	13/11/2005	02DD13C2	8,0	8,0	8,0		9,0	8,6	Đạt
81	2203360228	Nguyễn Trần Phương Trinh	12/11/2005	02DS13C2	8,0	8,0	8,0		7,6	7,8	Đạt
82	2203360300	Nguyễn Cao Vân Trinh	13/11/2005	02DS13C2	8,0	8,0	8,0		8,4	8,2	Đạt
83	2203360124	Lê Thị Phương Trúc	29/12/2005	02DD13C1	5,0	6,0	5,7		9,0	7,7	Đạt
84	2203360223	Nguyễn Thị Thủy Trúc	12/02/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		9,0	8,7	Đạt
85	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn Trường	05/03/2005	01DS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
86	2203360115	Trần Võ Hạnh Vân	23/10/2005	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		8,7	7,7	Đạt
87	2203360044	Nguyễn Thanh Vi	25/04/1999	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		8,5	8,4	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
							4,0		6,0		
88	1203360151	Trần Duy Vũ	18/03/2005	01DD13C1	8,0	5,0	6,0		9,1	7,9	Đạt
89	1203360092	Nguyễn Thị Tường Vy	26/09/2005	01DD13C1	9,0	6,0	7,0		6,0	6,4	Đạt
90	1203360093	Nguyễn Thị Phương Vy	02/07/2005	01DD13C1	9,0	6,0	7,0		6,8	6,9	Đạt
91	2203360144	Trần Quế Hà Vy	11/04/2005	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		8,7	8,4	Đạt
92	1203360027	Trần Ngọc Tường Vy	20/04/2005	02DD13C1	7,0	7,0	7,0		9,0	8,2	Đạt
93	2203360182	Ngô Ngọc Yến Vy	16/07/2004	02DD13C2	6,0	7,0	6,7		9,0	8,1	Đạt
94	2203360266	Phạm Thảo Vy	03/01/2005	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		8,5	9,1	Đạt
95	2203360225	Phan Thảo Vy	19/06/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		9,5	9,7	Đạt
96	1203360045	Nguyễn Thị Như Ý	05/02/2005	02DS13C1	7,0	7,0	7,0		8,2	7,7	Đạt
97	2203360264	Huỳnh Như Ý	18/09/2004	02YS13C1	8,0	7,0	7,3		8,5	8,0	Đạt
98	1203360041	Phan Thị Xuân Yến	03/06/2005	01DD13C1	7,0	6,0	6,3		6,9	6,7	Đạt
99	1203360147	Nguyễn Hoàng Yến	19/01/2004	01DD13C1	8,0	7,0	7,3		8,9	8,3	Đạt